ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 104 /2026/QĐ-UBND	*Lai Châu, ngày 02 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, tiêu chí, phương pháp, mức xếp loại, thời điểm, trình tự và thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức

1. Bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch, khách quan, đúng thẩm quyền, trách nhiệm, trình tự, thủ tục; thực hiện theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí và thông qua sản phẩm cụ thể.

2. Ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong theo dõi, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức.

3. Kết quả xếp loại tổ chức được tổng hợp từ kết quả đánh giá theo tiêu chí chung và tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ chức; kết hợp giữa tiêu chí định tính và tiêu chí định lượng, trong đó, đặc biệt chú trọng các tiêu chí định lượng về kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức phải được kiểm tra, giám sát; bảo đảm phản ánh đúng thực chất mức độ hoàn thành nhiệm vụ, được kiểm chứng và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Trường hợp phát hiện việc đánh giá, xếp loại không bảo đảm quy định về mức xếp loại hoặc có hành vi thiếu trung thực làm cho kết quả đánh giá, xếp loại không chính xác thì người có thẩm quyền xem xét hủy bỏ kết quả và thực hiện đánh giá, xếp loại lại theo quy định.

5. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc xây dựng kế hoạch công tác, phân công nhiệm vụ phù hợp với từng tổ chức gắn với mục tiêu, sản phẩm công việc; bảo đảm liên thông, thống nhất trong công tác cán bộ.

Điều 4. Thẩm quyền công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 5. Tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức

1. Tiêu chí chung quy định tại Điều 6 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP được cụ thể hóa tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, chấm tối đa 30 điểm trên thang điểm 100.

2. Tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 7 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP được cụ thể hóa tại Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, chấm tối đa 70 điểm trên thang điểm 100.

Điều 6. Phương pháp chấm điểm

1. Việc chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần căn cứ vào kết quả thực tế đạt được của cơ quan, tổ chức; đối chiếu với yêu cầu, cách chấm điểm quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Việc chấm điểm phải có tài liệu kiểm chứng. Trường hợp chưa có đầy đủ tài liệu kiểm chứng, cơ quan, tổ chức phải giải trình rõ kết quả thực hiện, nguồn thông tin kiểm chứng và lý do chưa có đầy đủ tài liệu; cơ quan, bộ phận được giao tham mưu đánh giá hoặc người có thẩm quyền công nhận kết quả đánh giá, xếp loại xem xét, xác minh trước khi công nhận điểm. Nội dung không có căn cứ kiểm chứng hoặc không được xác minh thì không công nhận điểm tự chấm.

3. Tiêu chí, tiêu chí thành phần được xác định là không áp dụng khi không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức theo quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc thuộc trường hợp không phát sinh nhiệm vụ trong năm theo quy định tại Phụ lục. Việc xác định tiêu chí, tiêu chí thành phần không áp dụng phải được cơ quan, tổ chức giải trình cụ thể và người có thẩm quyền công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chấp thuận.

Đối với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền điều chỉnh thời hạn hoặc dừng thực hiện bằng văn bản, việc đánh giá căn cứ vào nội dung điều chỉnh và phần việc, mốc tiến độ phải hoàn thành trong năm; không mặc nhiên loại toàn bộ nhiệm vụ khỏi phạm vi đánh giá.

4. Trường hợp có tiêu chí, tiêu chí thành phần không áp dụng theo khoản 3 Điều này, điểm được quy đổi riêng trong từng nhóm tiêu chí như sau:

a) Điểm nhóm tiêu chí chung = (Tổng điểm cơ quan, đơn vị tự đánh giá trong nhóm/(30 - Tổng điểm tối đa của các tiêu chí, tiêu chí thành phần không áp dụng trong nhóm)) × 30;

b) Điểm nhóm tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ = (Tổng điểm cơ quan, đơn vị tự đánh giá trong nhóm/(70 - Tổng điểm tối đa của các tiêu chí, tiêu chí thành phần không áp dụng trong nhóm)) × 70;

c) Tổng điểm đánh giá là tổng điểm của hai nhóm tiêu chí sau quy đổi, tối đa 100 điểm; kết quả làm tròn đến hai chữ số thập phân. Không thực hiện quy đổi khi tổng điểm tối đa của các tiêu chí áp dụng trong một nhóm bằng 0. Trường hợp này, cơ quan, tổ chức phải rà soát, xác định lại tiêu chí phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; không tự xác định điểm của nhóm tiêu chí.

Điều 7. Mức xếp loại chất lượng tổ chức

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt từ 90 điểm trở lên, đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao, đúng thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; trong đó có ít nhất 30% nhiệm vụ hoàn thành vượt mức yêu cầu;

b) Không có đơn vị cấp dưới trực tiếp (nếu có) bị xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

c) Đã khắc phục toàn bộ hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra từ kỳ đánh giá trước hoặc từ kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 70 đến dưới 90 điểm, đồng thời hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao, đúng thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

3. Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 50 đến dưới 70 điểm, đồng thời hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao, số nhiệm vụ chưa bảo đảm tiến độ không vượt quá 20%.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ: Có tổng điểm đánh giá dưới 50 điểm hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bị cấp có thẩm quyền kết luận có sai phạm trong công tác cán bộ, mất đoàn kết nội bộ, bè phái, chạy chức, chạy quyền;

b) Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch trong năm. Trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ mà có lý do bất khả kháng thì cấp có thẩm quyền căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh, tính chất nhiệm vụ, kết quả thực hiện; hành vi, mức độ vi phạm, hậu quả, nguyên nhân và các yếu tố liên quan khác để xem xét, đánh giá, xếp loại, bảo đảm khách quan, toàn diện, thận trọng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo phân cấp.

5. Tỷ lệ xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tổ chức

a) Tỷ lệ tổ chức được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" không vượt quá 20% trong tổng số tổ chức được xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trong phạm vi quản lý của cấp có thẩm quyền công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng;

b) Trường hợp tổ chức có thành tích xuất sắc, nổi trội, tạo sự chuyển biến tích cực, hoàn thành vượt kế hoạch các công việc được giao, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực thì cấp có thẩm quyền quyết định tỷ lệ tổ chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cao hơn quy định tại điểm a khoản này nhưng không vượt quá 25% tổng số tổ chức được xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ".

Điều 8. Thời điểm, trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức

1. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức được thực hiện theo năm công tác và hoàn thành trước ngày 01 tháng 12 hằng năm; trường hợp đặc biệt theo quy định của cấp có thẩm quyền thì hoàn thành trước ngày 01 tháng 01 năm sau.

2. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức cấp dưới được tiến hành trước khi đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cấp trên.

3. Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức thực hiện theo khoản 2 Điều 9 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành tự đánh giá, đề xuất mức xếp loại chất lượng

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức việc tự đánh giá, chấm điểm theo Phụ lục kèm theo Quyết định này và đề xuất mức xếp loại chất lượng của tổ chức mình, gửi người có thẩm quyền công nhận xếp loại chất lượng;

Trường hợp có đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh tiêu cực hoặc dấu hiệu mất đoàn kết nội bộ thì người có thẩm quyền công nhận kết quả xếp loại chất lượng chỉ đạo kiểm tra, xác minh trước khi quyết định xếp loại;

b) Kết quả xếp loại chất lượng được thông báo đến tổ chức được đánh giá và cơ quan liên quan.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; chỉ đạo công tác tự đánh giá, đề xuất mức xếp loại chất lượng của cơ quan, tổ chức mình; tổ chức đánh giá, công nhận kết quả xếp loại chất lượng đối với tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền; tổng hợp, báo cáo kết quả về Sở Nội vụ.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này; tổng hợp, rà soát hồ sơ tự đánh giá và đề xuất mức xếp loại của các tổ chức, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi tiến độ thực hiện các nghị quyết, kết luận, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án và nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; tổng hợp kết quả thực hiện, trong đó xác định nhiệm vụ hoàn thành, chưa hoàn thành hoặc chậm tiến độ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Nội vụ để phục vụ đánh giá, chấm điểm và xếp loại chất lượng hằng năm.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 10;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh: V, C, CB;
- Lưu: VT, TH (Nhiên).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tống Thanh Hải